

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1**Môn: Toán – Lớp 3****Bộ sách: Kết nối tri thức**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Kết quả của phép nhân 317×2 là:

- A. 624 B. 634 C. 324 D. 614

Câu 2. Số dư của phép chia $427 : 5$ là:

- A. 2 B. 3 D. 4 D. 5

Câu 3. Giá trị của biểu thức $306 + 18 \times 3$ là:

- A. 350 B. 972 C. 360 D. 327

Câu 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 24 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Chu vi mảnh đất đó là:

- A. 102 m B. 96 m C. 144 m D. 192 m

Câu 5. $\frac{1}{8}$ số bông hoa là:

- A. 8 bông hoa B. 4 bông hoa
C. 2 bông hoa D. 3 bông hoa

Câu 6. Người thợ may dùng 79 m vải để may quần áo công nhân. Mỗi bộ quần áo công nhân may hết 3 m vải. Hỏi người thợ có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo công nhân?

- A. 27 bộ quần áo B. 26 bộ quần áo
C. 25 bộ quần áo D. 28 bộ quần áo

PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

- a) 72×4 b) 226×3 c) $756 : 6$ d) $482 : 5$
-

Câu 2. Số?

a) $\square \times 6 = 252$

b) $513 : \square = 9$

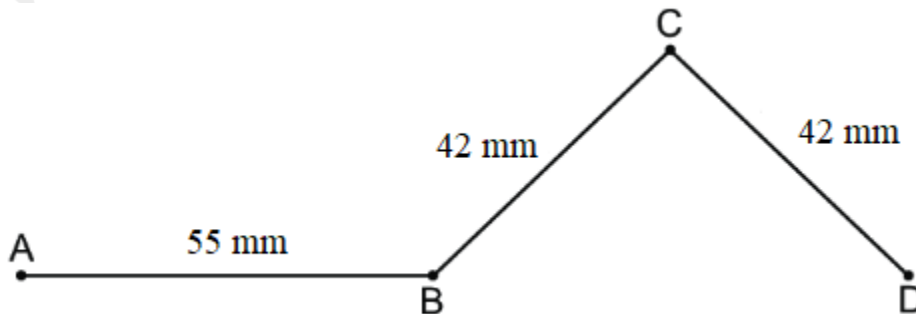
Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $317 - 24 \times 6$

b) $(92 - 58) \times 3$

Câu 4.

a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD



b) Mỗi quả xoài cân nặng bao nhiêu gam?



Câu 5. Một cửa hàng thực phẩm có 165 kg gạo nếp. Để chuẩn bị cho dịp Tết nguyên đán, cửa hàng nhập thêm 8 bao gạo nếp, mỗi bao nặng 35 kg. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ SỐ 1

I. TRẮC NGHIỆM

1. B	2. A	3. C	4. D	5. C	6. B
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) 72×4

b) 226×3

c) $756 : 6$

d) $482 : 5$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.

- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 72 \\ \times 4 \\ \hline 288 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 226 \\ \times 3 \\ \hline 678 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 756 \overline{) 6} \\ \underline{6} \\ 15 \\ \underline{12} \\ 36 \\ \underline{36} \\ 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 482 \overline{) 5} \\ \underline{45} \\ 32 \\ \underline{30} \\ 2 \end{array}$$

Câu 2. Số?

a) $\square \times 6 = 252$

b) $513 : \square = 9$

Phương pháp giải

a) Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

b) Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương

Lời giải chi tiết

a) $\dots \times 6 = 252$

$252 : 6 = 42$

Vậy số cần điền vào ô trống là 42.

b) $513 : \dots = 9$

$513 : 9 = 57$

Vậy số cần điền vào ô trống là 57.

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $317 - 24 \times 6$

b) $(92 - 58) \times 3$

Phương pháp giải

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

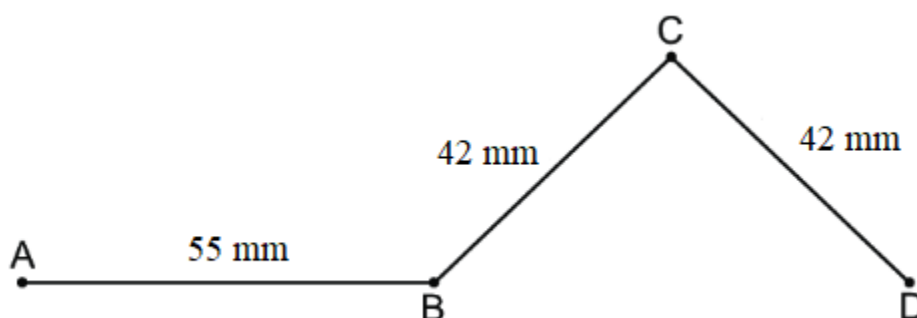
- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.

Lời giải chi tiết

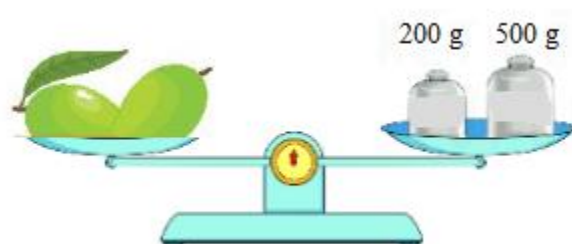
$$\begin{aligned} \text{a) } 317 - 24 \times 6 &= 317 - 144 \\ &= 173 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (92 - 58) \times 3 &= 34 \times 3 \\ &= 102 \end{aligned}$$

Câu 4. a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD



b) Mỗi quả xoài cân nặng bao nhiêu gam?



Phương pháp giải

a) Độ dài đường gấp khúc ABCD bằng tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD.

b) Cân nặng của mỗi quả xoài bằng tổng cân nặng ở đĩa cân bên phải chia cho 2.

Lời giải chi tiết

a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là

$$55 + 42 \times 2 = 139 \text{ (mm)}$$

b) Mỗi quả xoài cân nặng số gam là

$$(200 + 500) : 2 = 350 \text{ (g)}$$

Đáp số: a) 139 mm

b) 350 g

Câu 5. Một cửa hàng thực phẩm có 165 kg gạo nếp. Để chuẩn bị cho dịp Tết nguyên đán, cửa hàng nhập thêm 8 bao gạo nếp, mỗi bao nặng 35 kg. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

Phương pháp giải

- Tìm số kg gạo cửa hàng nhập thêm = Số kg gạo ở mỗi bao x số bao
- Tìm tổng số kg gạo cửa hàng có

Lời giải chi tiết

Cửa hàng nhập thêm số ki-lô-gam gạo là

$$35 \times 8 = 280 \text{ (kg)}$$

Cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp là

$$165 + 280 = 445 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 445 kg gạo nếp

-----**HẾT**-----

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 2**Môn: Toán – Lớp 3****Bộ sách: Kết nối tri thức**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

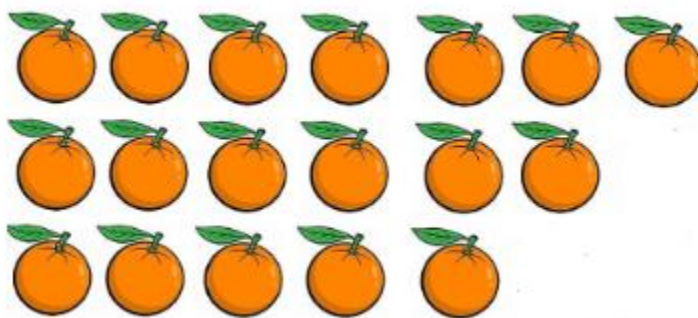
(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Gấp 172 lên 4 lần được:

- A. 176 B. 488 C. 688 D. 516

Câu 2. Trong các phép chia với số chia là 5, số dư lớn nhất của các phép chia đó là:

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 3. $\frac{1}{6}$ số quả cam là:

- A. 2 quả cam B. 3 quả cam C. 4 quả cam D. 5 quả cam

Câu 4. Hôm nay Nam bị ốm. Mẹ dùng nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể Nam thì thấy Nam bị sốt cao.

Nhiệt độ cơ thể của Nam lúc này khoảng:

- A. 25°C B. 37°C C. 28°C D. 39°C

Câu 5. Bác Tú dự định dùng lưới để rào một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với chiều dài 28 mét, chiều rộng 15 m. Bác có thể cửa vào 2 m. Hỏi Bác Tú cần chuẩn bị bao nhiêu mét lưới?

- A. 86 m B. 43 m C. 88 m D. 84 m

Câu 6. Nhà Lan nuôi 48 con gà, số con vịt bằng $\frac{1}{3}$ số con gà. Vậy nhà Lan nuôi tất cả số con gà và

vịt là:

- A. 64 con B. 144 con C. 51 con D. 60 con

PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

- a) 162×4 b) 107×9 c) $986 : 9$ d) $672 : 4$

.....

.....

Câu 2. Số?

a) $5 \times \square = 385$

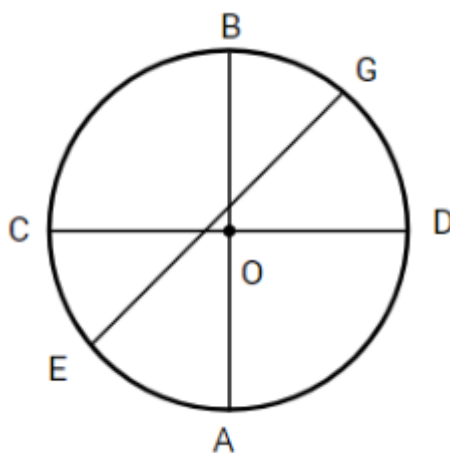
b) $\square : 6 = 73$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $153 : 9 + 96 : 8$

b) $(32 + 18) \times 6$

Câu 4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



a) Các đường kính của hình tròn có trong hình bên là:

b) Các bán kính của hình tròn có trong hình bên là

c) O là trung điểm của đoạn thẳng và đoạn thẳng

d) Đường kính CD gấp lần bán kính OD.

Câu 5. Trong vườn nhà ông ngoại có 78 thùng ong mật, vườn của cậu Út có số thùng ong mật gấp đôi số thùng ong nhà ông ngoại. Hỏi trong cả hai khu vườn có bao nhiêu thùng ong mật?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM

1. C	2. B	3. B	4. D	5. D	6. A
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) 162×4 b) 107×9 c) $986 : 9$ d) $672 : 4$

Phương pháp giải

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r}
 162 \\
 \times 4 \\
 \hline
 648
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 107 \\
 \times 9 \\
 \hline
 963
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 986 \\
 9 \overline{) 109} \\
 \underline{08} \\
 0 \\
 \underline{86} \\
 81 \\
 \underline{5}
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 672 \\
 4 \overline{) 168} \\
 \underline{27} \\
 24 \\
 \underline{32} \\
 32 \\
 \underline{0}
 \end{array}$$

Câu 2. Số?

- a) $5 \times \square = 385$ b) $\square : 6 = 73$

Phương pháp giải

- a) Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.
 b) Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia

Lời giải chi tiết

a) $5 \times \dots = 385$

$$385 : 5 = 77$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 77

b) $\dots : 6 = 73$

$$73 \times 6 = 438$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 438

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

- a) $153 : 9 + 96 : 8$ b) $(32 + 18) \times 6$

Phương pháp giải

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.

Lời giải chi tiết

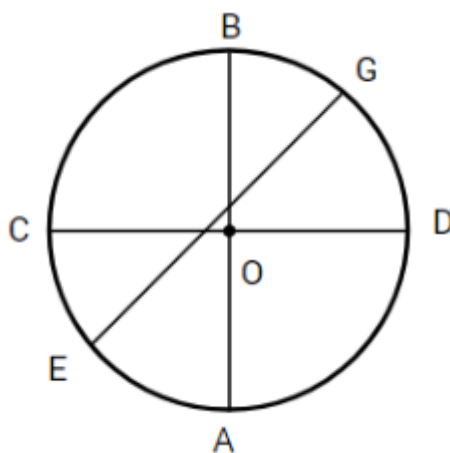
$$a) 153 : 9 + 96 : 8 = 17 + 12$$

$$= 29$$

$$b) (32 + 18) \times 6 = 50 \times 6$$

$$= 300$$

Câu 4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



a) Các đường kính của hình tròn có trong hình bên là:

b) Các bán kính của hình tròn có trong hình bên là

c) O là trung điểm của đoạn thẳng và đoạn thẳng

d) Đường kính CD gấp lần bán kính OD.

Phương pháp giải

- Đường kính là đoạn thẳng đi qua tâm và nối hai điểm ở trên đường tròn.

- Bán kính là đoạn thẳng nối tâm với một điểm ở trên đường tròn.

- Đường kính gấp 2 lần bán kính

Lời giải chi tiết

a) Các đường kính của hình tròn có trong hình bên là: **BA, CD**

b) Các bán kính của hình tròn có trong hình bên là **OA, OB, OC, OD**

c) O là trung điểm của đoạn thẳng **AB** và đoạn thẳng **CD**

d) Đường kính CD gấp **2** lần bán kính OD.

Câu 5. Trong vườn nhà ông ngoại có 78 thùng ong mật, vườn của cậu Út có số thùng ong mật gấp đôi số thùng ong nhà ông ngoại. Hỏi trong cả hai khu vườn có bao nhiêu thùng ong mật?

Phương pháp giải

- Tìm số thùng ong mật của cậu Út = Số thùng ong mật nhà ông ngoại x 2
- Tìm tổng số thùng ong trong cả 2 vườn

Lời giải chi tiết

Số thùng ong mật trong vườn của cậu Út là

$$78 \times 2 = 156 \text{ (thùng)}$$

Trong cả hai khu vườn có số thùng ong mật là

$$78 + 156 = 234 \text{ (thùng)}$$

Đáp số: 234 thùng ong mật

-----**HẾT**-----

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Giảm 504 đi 4 lần ta được:

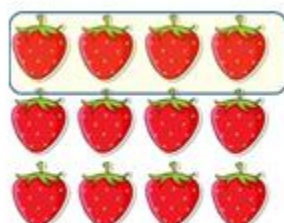
- A. 500 B. 125 C. 118 D. 126

Câu 2. 3 là số dư của phép chia:

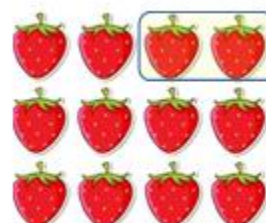
- A. $84 : 6$ B. $135 : 4$ C. $328 : 6$ D. $407 : 3$

Câu 3. Hình đã khoanh vào $\frac{1}{6}$ số quả dâu tây là:

A.



B.



C.



D.

Câu 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 92 m và chiều rộng là 14 m. Chiều dài của mảnh vườn đó là:

- A. 32 m B. 78 m C. 43 m D. 34 m

Câu 5. Hai chị em Mai và Nam giúp bố mẹ thu hoạch bưởi. Nam hái được 28 quả bưởi. Mai hái được số quả bưởi gấp 3 lần số bưởi của Nam hái. Vậy cả hai chị em hái được:

- A. 96 quả bưởi B. 84 quả bưởi C. 116 quả bưởi D. 112 quả bưởi

Câu 6. Chú Minh làm những chiếc đèn lồng có khung dạng khối lập phương (như hình vẽ).

Ở mỗi đỉnh của chiếc khung, chú Minh dùng một sợi dây lạt để buộc. Để làm 18 chiếc khung đèn như vậy thì chú Minh cần dùng bao nhiêu sợi dây lạt?



- A. 72 sợi dây lạt B. 108 sợi dây lạt
C. 144 sợi dây lạt D. 156 sợi dây lạt

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) 72×9 b) 192×3 c) $632 : 6$ d) $994 : 7$

.....

Câu 2. Số?

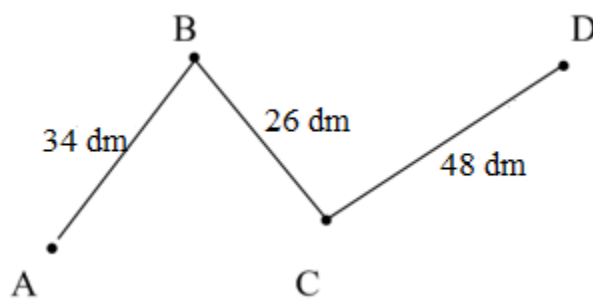
- a) $4 \times \square = 288$ b) $\square : 8 = 64$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

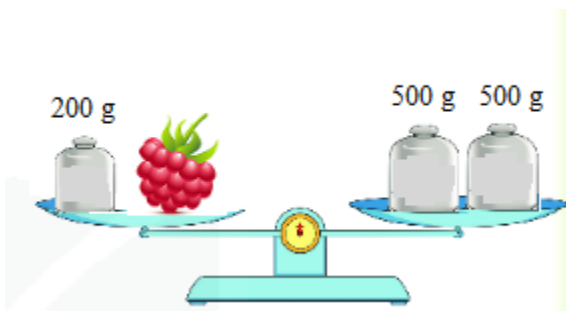
- a) $245 + 126 : 6$ b) $(39 + 371) : 5$

.....

Câu 4. a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD:



b) Số?



Chùm nho cân nặng gam.

Câu 5. Một hộp sữa cân nặng 180 g, một gói bánh mì cân nặng 400 g. Hỏi 3 hộp sữa và 1 gói bánh mì cân nặng bao nhiêu gam?

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM

1. D	2. B	3. C	4. A	5. D	6. C
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) 72×9 b) 192×3 c) $632 : 6$ d) $994 : 7$

Phương pháp giải

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 72 \\ \times 9 \\ \hline 648 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 192 \\ \times 3 \\ \hline 576 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 632 \\ 6 \overline{) 105} \\ \underline{03} \\ 32 \\ \underline{30} \\ 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 994 \\ 7 \overline{) 142} \\ \underline{29} \\ 28 \\ \underline{14} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Số?

- a) $4 \times \square = 288$ b) $\square : 8 = 64$

Phương pháp giải

- a) Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.
b) Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia

Lời giải chi tiết

a) $4 \times \dots = 288$

$$288 : 4 = 72$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 72

b) $\dots : 8 = 64$

$$64 \times 8 = 512$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 512

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

- a) $245 + 126 : 6$ b) $(39 + 371) : 5$

Phương pháp giải

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.

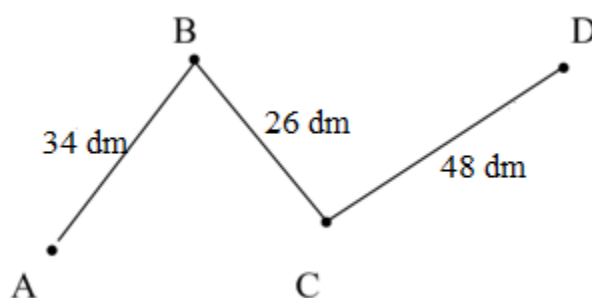
Lời giải chi tiết

a) $245 + 126 : 6 = 245 + 21$
 $= 266$

b) $(39 + 371) : 5 = 410 : 5$
 $= 82$

Câu 4.

a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD:



b) Số?



Chùm nho cân nặng gam.

Phương pháp giải

a) Độ dài đường gấp khúc ABCD bằng tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD.

b) Cân nặng của chùm nho = Cân nặng của đĩa cân bên phải – 200 g

Lời giải chi tiết

a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

$$34 + 26 + 48 = 108 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 108 dm

b) Chùm nho cân nặng số gam là $500 + 500 - 200 = 800 \text{ (g)}$

Ta điền như sau:

Chùm nho cân nặng **800** gam.

Câu 5.

Một hộp sữa cân nặng 180 g, một gói bánh mì cân nặng 400 g. Hỏi 3 hộp sữa và 1 gói bánh mì cân nặng bao nhiêu gam?

Phương pháp giải

- Tìm cân nặng của 3 hộp sữa = Cân nặng của một hộp sữa x 3
- Tìm tổng cân nặng của 3 hộp sữa và 1 gói bánh mì

Lời giải chi tiết

Cân nặng của 3 hộp sữa là

$$180 \times 3 = 540 \text{ (g)}$$

3 hộp sữa và 1 gói bánh mì cân nặng số gam là

$$540 + 400 = 940 \text{ (gam)}$$

Đáp số: 940 gam

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 4**Môn: Toán – Lớp 3****Bộ sách: Kết nối tri thức**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

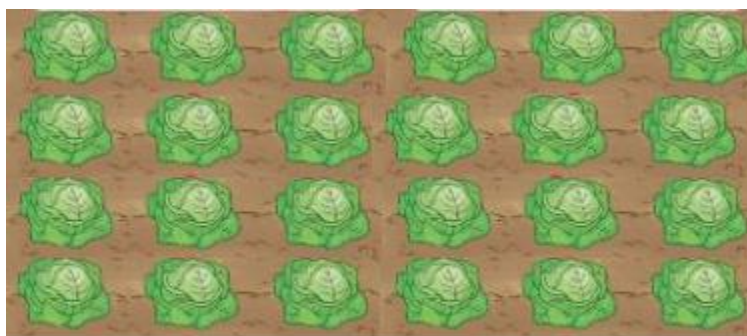
(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Tích của hai số là 456, biết thừa số thứ nhất là 3. Thừa số thứ hai là:

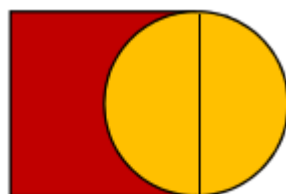
- A. 150 B. 152 C. 112 D. 102

Câu 2. Buổi sáng cửa hàng bán được 134 kg gạo. Số gạo buổi chiều bán được bằng số gạo buổi sáng bán giảm đi 2 lần. Hỏi cả hai buổi cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 67 kg B. 132 kg C. 268 kg D. 201 kg

Câu 3. $\frac{1}{8}$ số cây bắp cải là:

- A. 2 cây B. 3 cây C. 4 cây D. 5 cây

Câu 4. Bán kính của hình tròn (như hình vẽ) là 9 dm. Độ dài cạnh của hình vuông là:

- A. 18 dm B. 9 dm C. 12 dm D. 27 dm

Câu 5. 1kg = g

- A. 1000 B. 10 C. 100 D. 1

Câu 6. Bác An có một cái ao dạng hình chữ nhật có chiều rộng 21 m. Chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Bác An muốn quây lưới xung quanh ao để nuôi vịt. Hỏi bác An cần chuẩn bị bao nhiêu mét lưới?

- A. 42 m lưới B. 63 m lưới C. 126 m lưới D. 84 m lưới

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $243 - 198$

b) 8×34

c) $879 : 3$

d) $765 : 9$

Câu 2. Số?

a) $\square + 136 = 407$

b) $628 : \square = 4$

c) $482 - \square = 134$

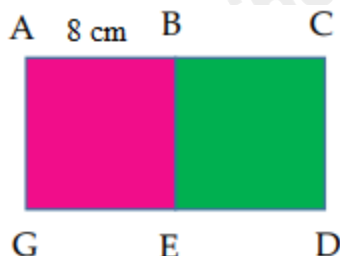
d) $6 \times \square = 174$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $352 - 28 \times 4$

b) $(154 + 36) : 2$

Câu 4. Cho ABEG và BCDE là hai hình vuông có cạnh dài 8 cm (như hình vẽ). Tính độ dài đường gấp khúc ABEDC.



Câu 5. Người ta đóng 576 cái bánh nướng vào các hộp, mỗi hộp 8 cái bánh. Sau đó xếp các hộp bánh vào thùng, mỗi thùng 6 hộp bánh. Hỏi người ta xếp được bao nhiêu thùng bánh?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 4

I. TRẮC NGHIỆM

1. B	2. D	3. B	4. A	5. A	6. C
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $243 - 198$ b) 8×34 c) $879 : 3$ d) $765 : 9$

Phương pháp giải

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 243 \\ - 198 \\ \hline 45 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ \times 8 \\ \hline 272 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 879 \quad 3 \\ 6 \overline{) 291} \\ \underline{27} \\ 27 \\ \underline{03} \\ 3 \\ \underline{0} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 765 \quad 9 \\ 72 \overline{) 85} \\ \underline{45} \\ 45 \\ \underline{0} \end{array}$$

Câu 2. Số?

a) $\square + 136 = 407$

b) $628 : \square = 4$

c) $482 - \square = 134$

d) $6 \times \square = 174$

Phương pháp giải

- Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia
- Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu
- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

Lời giải chi tiết

a) $\dots + 136 = 407$

$$407 - 136 = 271$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 271.

b) $628 : \dots = 4$

$$628 : 4 = 157$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 157

$$c) 482 - \dots = 134$$

$$482 - 134 = 348$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 348

$$d) 6 \times \dots = 174$$

$$174 : 6 = 29$$

Vậy số cần điền vào ô trống là 29.

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

$$a) 352 - 28 \times 4$$

$$b) (154 + 36) : 2$$

Phương pháp giải

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.

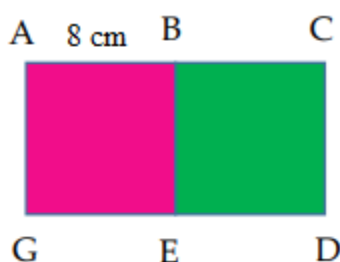
Lời giải chi tiết

$$a) 352 - 28 \times 4 = 352 - 112 \\ = 240$$

$$b) (154 + 36) : 2 = 190 : 2 \\ = 95$$

Câu 4.

Cho ABEG và BCDE là hai hình vuông có cạnh dài 8 cm (như hình vẽ). Tính độ dài đường gấp khúc ABEDC.



Phương pháp giải

Độ dài đường gấp khúc ABEDC bằng tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BE, ED, DC.

Lời giải chi tiết

Độ dài đường gấp khúc ABEDC là

$$8 + 8 + 8 + 8 = 32 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 32 cm

Câu 5. Người ta đóng 576 cái bánh nướng vào các hộp, mỗi hộp 8 cái bánh. Sau đó xếp các hộp bánh vào thùng, mỗi thùng 6 hộp bánh. Hỏi người ta xếp được bao nhiêu thùng bánh?

Phương pháp giải

- Tìm số hộp bánh xếp được = Số cái bánh có tất cả : 8
- Số thùng bánh xếp được = Số hộp bánh : 6

Lời giải chi tiết

Số hộp bánh xếp được là

$$576 : 8 = 72 \text{ (hộp)}$$

Người ta xếp được số thùng bánh là

$$72 : 6 = 12 \text{ (thùng)}$$

Đáp số: 12 thùng bánh

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Các số cần điền vào ô trống lần lượt là:

A. 42; 15

B. 42; 14

C. 40; 12

D. 40; 14

Câu 2. Quả táo cân nặng số gam là:

A. 250 g

B. 300 g

C. 350 g

D. 400 g

Câu 3. Có 286 m vải, may mỗi bộ quần áo hết 3 m vải. Hỏi có thể may nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

A. 94 bộ quần áo và thừa 4 mét vải

B. 95 bộ quần áo và thừa 1 mét vải

C. 96 bộ quần áo

D. 95 bộ quần áo và thừa 2 mét vải

Câu 4. $\frac{1}{4}$ số quả dưa hấu là:

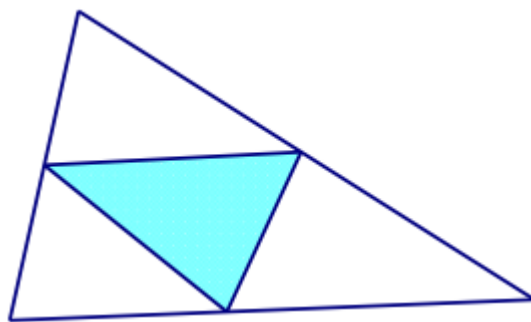
A. 2 quả

B. 5 quả

C. 4 quả

D. 3 quả

Câu 5. Hình dưới đây có mấy hình tam giác:



- A. 5 B. 4 C. 6 D. 7

Câu 6. Một sợi dây dài 4m5dm. An cắt một đoạn dây dài bằng $\frac{1}{5}$ độ dài sợi dây đó. Độ dài đoạn dây An đã cắt là:

- A. 9 cm B. 7 dm C. 9 dm D. 8 dm

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) 364×2

b) $546 : 3$

.....

.....

.....

Câu 2. Tìm x biết:

a) $x : 7 = 59 + 43$

b) $560 - x = 90 + 205$

.....

.....

.....

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $178 + 96 : 2$

b) $144 : 4 \times 5$

.....

.....

.....

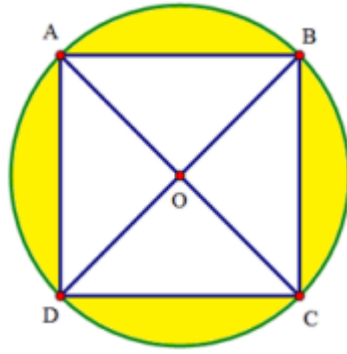
Câu 4. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Cho hình vuông ABCD và hình tròn tâm O như hình vẽ.

a) O là trung điểm của đoạn thẳng và đoạn thẳng

b) Hình vẽ có góc vuông.

c) Biết $AC = 8$ cm. Độ dài bán kính của hình tròn là cm.



Câu 5. Nhà Nam nuôi một đàn gà. Số gà trống là 125 con. Số gà mái nhiều hơn số gà trống 38 con.
Hỏi đàn gà nhà Nam có tất cả bao nhiêu con?

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

1. B	2. C	3. B	4. D	5. A	6. C
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) 364×2

b) $546 : 3$

Phương pháp giải

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 364 \\ \times 2 \\ \hline 728 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 546 \quad 3 \\ 3 \overline{) 182} \\ \underline{24} \\ 06 \\ \underline{6} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x biết:

a) $x : 7 = 59 + 43$

b) $560 - x = 90 + 205$

Phương pháp giải

- Tính giá trị của vế phải
- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Lời giải chi tiết

a) $x : 7 = 59 + 43$

$x : 7 = 102$

$x = 102 \times 7$

$x = 714$

b) $560 - x = 90 + 205$

$560 - x = 295$

$x = 560 - 295$

$x = 265$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $178 + 96 : 2$

b) $144 : 4 \times 5$

Phương pháp giải

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải chi tiết

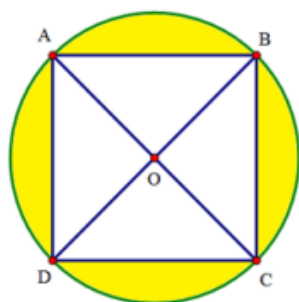
$$\begin{aligned} \text{a) } 178 + 96 : 2 &= 178 + 48 \\ &= 226 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 144 : 4 \times 5 &= 36 \times 5 \\ &= 180 \end{aligned}$$

Câu 4. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Cho hình vuông ABCD và hình tròn tâm O như hình vẽ.

- a) O là trung điểm của đoạn thẳng và đoạn thẳng
- b) Hình vẽ có góc vuông.
- c) Biết $AC = 8$ cm. Độ dài bán kính của hình tròn là cm.

**Phương pháp giải**

Quan sát hình vẽ để trả lời câu hỏi.

Lời giải chi tiết

- a) O là trung điểm của đoạn thẳng **AC** và đoạn thẳng **BD**
- b) Hình vẽ có **8** góc vuông.
- c) Biết $AC = 8$ cm. Độ dài bán kính của hình tròn là **4** cm.

Câu 5. Nhà Nam nuôi một đàn gà. Số gà trống là 125 con. Số gà mái nhiều hơn số gà trống 38 con.

Hỏi đàn gà nhà Nam có tất cả bao nhiêu con?

Phương pháp giải

- Tìm số gà mái = Số gà trống + 38 con
- Số con gà có tất cả = Số gà mái + số gà trống

Lời giải chi tiết

Số gà mái là

$$125 + 38 = 163 \text{ (con)}$$

Đàn gà nhà Nam có tất cả số con là

$$125 + 163 = 288 \text{ (con)}$$

Đáp số: 288 con gà

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

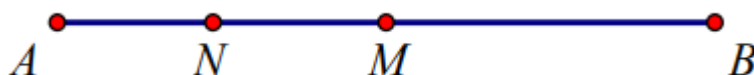
I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Giảm 102 đi 6 lần ta được:

- A. 612 B. 18 C. 96 D. 17

Câu 2. Đoạn thẳng AB dài 72 cm. M là trung điểm của đoạn thẳng AB. N là trung điểm của đoạn thẳng AM. Đoạn thẳng MN có độ dài là:



- A. 18 cm B. 16 cm C. 24 cm D. 36 cm

Câu 3. Mỗi quả táo có cân nặng bằng nhau. Cân nặng của mỗi quả táo là:



- A. 700 g B. 900 g C. 300 g D. 200 g

Câu 4. Một trang trại nuôi bò và gà, trong đó có 56 con bò. Số con gà trang trại nuôi gấp 4 lần số con bò. Hỏi trang trại đó nuôi tất cả bao nhiêu con bò và gà?



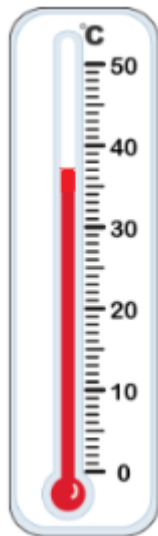
- A. 60 con B. 260 con C. 224 con D. 280 con

Câu 5. Dấu thích hợp điền vào chỗ trống để biểu thức sau có giá trị lớn nhất là:

$$145 - (145 \square 0)$$

- A. + B. - C. x D. :

Câu 6. Quan sát hình bên và cho biết, nhiệt kế đo được:



- A. 36°C B. 37°C C. 38°C D. 35°C

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $119 + 254$ b) $685 - 179$ c) 271×3 d) $708 : 5$

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $792 : 6 \times 4 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

b) $361 - 47 \times 3 = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

Câu 3. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài bằng 42 m, chiều rộng bằng chiều dài giảm đi 3 lần. Tính chu vi của mảnh vườn đó.

.....

Câu 4.

a) Khoanh vào $\frac{1}{6}$ số quả có trong hình:



b) Khoanh vào $\frac{1}{4}$ số quả có trong hình:



Câu 5. Cửa hàng có 315 kg gạo nếp. Cửa hàng đã bán 8 bao gạo nếp, mỗi bao nặng 15 kg. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 6

I. TRẮC NGHIỆM

1. D	2. A	3. C	4. D	5. C	6. B
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $119 + 254$

b) $685 - 179$

c) 271×3

d) $708 : 5$

Phương pháp giải

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 119 \\ + 254 \\ \hline 373 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 685 \\ - 179 \\ \hline 506 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 271 \\ \times 3 \\ \hline 813 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 708 \overline{) 5} \\ \underline{5} \\ 20 \\ \underline{20} \\ 08 \\ \underline{5} \\ 3 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

$$\begin{aligned} \text{a) } 792 : 6 \times 4 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 361 - 47 \times 3 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

Phương pháp giải

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} \text{a) } 792 : 6 \times 4 &= 132 \times 4 \\ &= 528 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 361 - 47 \times 3 &= 361 - 141 \\ &= 220 \end{aligned}$$

Câu 3.

Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài bằng 42 m, chiều rộng bằng chiều dài giảm đi 3 lần. Tính chu vi của mảnh vườn đó.

Phương pháp giải

- Tìm chiều rộng = Chiều dài : 3
- Chu vi mảnh vườn = (chiều dài + chiều rộng) : 2

Lời giải chi tiết

Chiều rộng của mảnh vườn là:

$$42 : 3 = 14 \text{ (m)}$$

Chu vi mảnh vườn đó là

$$(42 + 14) \times 2 = 112 \text{ (m)}$$

Đáp số: 112 m

Câu 4. a) Khoanh vào $\frac{1}{6}$ số quả có trong hình:



b) Khoanh vào $\frac{1}{4}$ số quả có trong hình:

**Phương pháp giải**

- Đếm số quả có trong mỗi hình
- Để tìm $\frac{1}{6}$ số quả ta lấy số quả trong hình chia cho 6
- Để tìm $\frac{1}{4}$ số quả ta lấy số quả trong hình chia cho 4

Lời giải chi tiết

a) Trong hình có 24 quả dâu.

$\frac{1}{6}$ số quả dâu là $24 : 6 = 4$ (quả)



b) Trong hình có 12 quả cam.

$\frac{1}{4}$ số quả cam là $12 : 4 = 3$ (quả)



Câu 5. Cửa hàng có 315 kg gạo nếp. Cửa hàng đã bán 8 bao gạo nếp, mỗi bao nặng 15 kg. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp?

Phương pháp giải

- Tìm số kg gạo cửa hàng đã bán = Cân nặng của mỗi bao gạo x số bao
- Số kg gạo còn lại = Số kg gạo ban đầu – số kg gạo đã bán

Lời giải chi tiết

Cửa hàng đã bán số ki-lô-gam gạo là

$$15 \times 8 = 120 \text{ (kg)}$$

Cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là

$$315 - 120 = 195 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 195 kg gạo

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 7

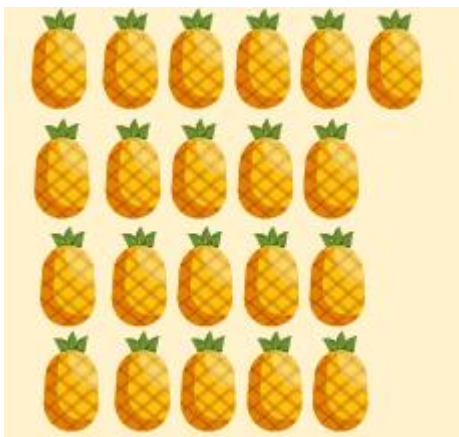
Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. $\frac{1}{7}$ số quả dứa là:

A. 3 quả dứa

B. 4 quả dứa

C. 5 quả dứa

D. 6 quả dứa

Câu 2. Trong hộp có 7 bi xanh và 126 bi đỏ. Hỏi số bi đỏ gấp mấy lần số bi xanh?

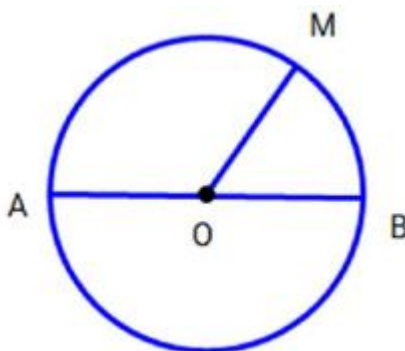
A. 16 lần

B. 17 lần

C. 18 lần

D. 19 lần

Câu 3. Cho hình vẽ:



Bán kính của hình tròn là:

A. OA, OB, OM

B. AB

C. OM

D. AM, BM

Câu 4. Tìm x biết $558 - x = 296$ A. $x = 854$

B. 262

C. 252

D. 162

Câu 5. Một đội trồng cây, ngày đầu trồng được 226 cây, ngày sau trồng được nhiều hơn ngày đầu 75 cây. Hỏi cả hai ngày đội đó trồng được bao nhiêu cây?

- A. 301 cây B. 377 cây C. 520 cây D. 527 cây

Câu 6. Một tấm gỗ hình vuông hình vuông có cạnh dài 8 dm. Tại mỗi đỉnh của hình vuông, anh Nam đóng một cái đinh. Anh dùng một sợi dây quấn quanh tấm gỗ theo bốn đỉnh và quấn được 3 vòng. Độ dài của sợi dây là:

- A. 11 dm B. 24 dm C. 32 dm D. 96 dm

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

- a) $688 - 209$ b) $249 + 556$ c) 148×4 d) $750 : 6$

.....

Câu 2. Tìm x, biết:

- a) $x : 7 = 114 - 9$ b) $6 \times x = 714$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức sau:

- a) $142 \times 3 + 56$ b) $5 \times 102 - 82$

.....

Câu 4. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ trống:

- a) 8 dm 80 mm
 b) 450 ml + 520 ml 1 l
 c) 2 kg + 3 kg 500 g

Câu 5. Một thùng đựng 84 lít mật ong, người ta lấy ra $\frac{1}{3}$ số lít mật ong. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít mật ong?

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 7

I. TRẮC NGHIỆM

1. A	2. C	3. A	4. B	5. D	6. D
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $688 - 209$ b) $249 + 556$ c) 148×4 d) $750 : 6$

Phương pháp giải

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 688 \\ - 209 \\ \hline 479 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 249 \\ + 556 \\ \hline 805 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 148 \\ \times 4 \\ \hline 592 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 750 \quad 6 \\ 6 \overline{) 125} \\ \underline{6} \\ 15 \\ \underline{30} \\ 30 \\ \underline{30} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x, biết:

- a) $x : 7 = 114 - 9$ b) $6 \times x = 714$

Phương pháp giải

Bước 1: Tính giá trị của vế phải

Bước 2: Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia

Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số kia

Lời giải chi tiết

a) $x : 7 = 114 - 9$

$$x : 7 = 105$$

$$x = 105 \times 7$$

$$x = 735$$

b) $6 \times x = 714$

$$x = 714 : 6$$

$$x = 119$$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức sau:

a) $142 \times 3 + 56$

b) $5 \times 102 - 82$

Phương pháp giải

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} \text{a) } 142 \times 3 + 56 &= 426 + 56 \\ &= 482 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 5 \times 102 - 82 &= 510 - 82 \\ &= 428 \end{aligned}$$

Câu 4. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ trống:

a) $8 \text{ dm} \dots\dots\dots 80 \text{ mm}$

b) $450 \text{ ml} + 520 \text{ ml} \dots\dots\dots 1 \text{ l}$

c) $2 \text{ kg} + 3 \text{ kg} \dots\dots\dots 500 \text{ g}$

Phương pháp giải

Áp dụng cách đổi:

$1 \text{ dm} = 100 \text{ mm}$

$1 \text{ l} = 1000 \text{ ml}$

$1 \text{ kg} = 1000 \text{ g}$

Lời giải chi tiết

a) $8 \text{ dm} = 80 \text{ mm}$

b) $450 \text{ ml} + 520 \text{ ml} < 1 \text{ l}$

c) $2 \text{ kg} + 3 \text{ kg} > 500 \text{ g}$

Câu 5. Một thùng đựng 84 lít mật ong, người ta lấy ra $\frac{1}{3}$ số lít mật ong. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít mật ong?

Phương pháp giải

- Tìm số lít mật ong đã lấy ra = Số lít mật ong trong thùng : 3

- Tìm số lít mật ong còn lại = Số lít mật ong trong thùng – số lít mật ong lấy ra

Lời giải chi tiết

Số lít mật ong đã lấy ra là

$$84 : 3 = 28 \text{ (lít)}$$

Trong thùng còn lại số lít mật ong là

$$84 - 28 = 56 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 56 lít

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 8**Môn: Toán – Lớp 3****Bộ sách: Kết nối tri thức**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Kết quả của phép tính $(93 + 15) : 6 + 8$ là:

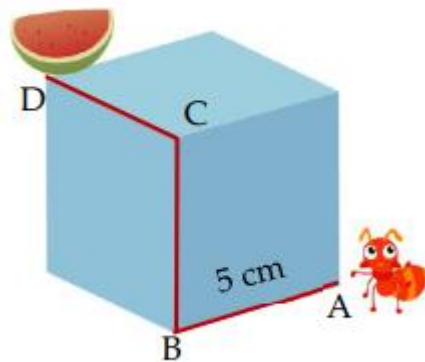
- A. 18 B. 20 C. 28 D. 26

Câu 2. Một phép chia có số dư lớn nhất là 6. Số chia là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 3. Số tròn chục nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 100 B. 110 C. 120 D. 102

Câu 4. Con kiến bò từ đỉnh A qua các đỉnh B, C của chiếc hộp dạng hình lập phương (như bức tranh) để đến chỗ miếng dưa ở đỉnh D. Quãng đường con kiến bò dài là:

- A. 5 cm B. 15 cm C. 20 cm D. 10 cm

Câu 5. Bác nông dân làm một hàng rào quanh vườn rau có dạng hình chữ nhật với chiều rộng 8 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Bác có để cổng vào 2 m. Hỏi hàng rào dài bao nhiêu mét?

- A. 62 m B. 32 m C. 24 m D. 64 m

Câu 6. Cô giáo yêu cầu An tô màu $\frac{1}{9}$ hình vẽ bên. Vậy An cần tô màu số ô vuông là:

- A. 9 ô vuông B. 6 ô vuông C. 3 ô vuông D. 2 ô vuông



PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $456 + 127$

b) $485 - 138$

c) 104×7

d) $549 : 4$

.....
.....
.....

Câu 2. Tìm x biết:

a) $452 - x = 90 : 5$

b) $126 : x = 7$

.....
.....
.....

Câu 3. Số?

$30 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

$7 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

$1000 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

$1 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ ml}$

Câu 4. Tính giá trị của biểu thức:

a) $36 + 154 \times 4$

b) $5 \times 112 - 12$

.....
.....
.....
.....

Câu 5. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 96 quyển sách. Số quyển sách bán được trong ngày thứ hai giảm đi 3 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu quyển sách?

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 8

I. TRẮC NGHIỆM

1. D	2. C	3. C	4. B	5. A	6. D
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $456 + 127$ b) $485 - 138$ c) 104×7 d) $549 : 4$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 456 \\ + 127 \\ \hline 583 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 485 \\ - 138 \\ \hline 347 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 104 \\ \times 7 \\ \hline 728 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 549 \quad 4 \\ 4 \overline{) 137} \\ \hline 14 \\ \quad 29 \\ \quad \quad 28 \\ \quad \quad \quad 1 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x biết:

a) $452 - x = 90 : 5$ b) $126 : x = 7$

Phương pháp giải

Bước 1: Tính giá trị của vế phải (nếu cần)

Bước 2: Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương

Lời giải chi tiết

a) $452 - x = 90 : 5$

$$452 - x = 18$$

$$x = 452 - 18$$

$$x = 434$$

b) $126 : x = 7$

$$x = 126 : 7$$

$$x = 18$$

Câu 3. Số?

$30 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

$7 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

$1000 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$

$1 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ ml}$

Phương pháp giải

Áp dụng cách đổi:

$1 \text{ cm} = 10 \text{ mm}$

$1 \text{ dm} = 100 \text{ mm}$

$1 \text{ l} = 1\ 000 \text{ ml}$

Lời giải chi tiết

$30 \text{ cm} = \mathbf{300} \text{ mm}$

$7 \text{ dm} = \mathbf{70} \text{ mm}$

$1000 \text{ mm} = \mathbf{10} \text{ dm}$

$1 \text{ l} = \mathbf{1\ 000} \text{ ml}$

Câu 4. Tính giá trị của biểu thức:

a) $36 + 154 \times 4$

b) $5 \times 112 - 12$

Phương pháp giải

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} \text{a) } 36 + 154 \times 4 &= 36 + 616 \\ &= 652 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 5 \times 112 - 12 &= 560 - 12 \\ &= 548 \end{aligned}$$

Câu 5. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 96 quyển sách. Số quyển sách bán được trong ngày thứ hai giảm đi 3 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu quyển sách?

Phương pháp giải

- Tìm số quyển sách bán trong ngày thứ hai = Số quyển sách bán ngày thứ nhất : 3

- Tìm tổng số quyển sách bán trong cả 2 ngày

Lời giải chi tiết

Số quyển sách bán trong ngày thứ hai là

$$96 : 3 = 32 \text{ (quyển)}$$

Cả hai ngày cửa hàng bán được số quyển sách là

$$96 + 32 = 128 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 128 quyển sách

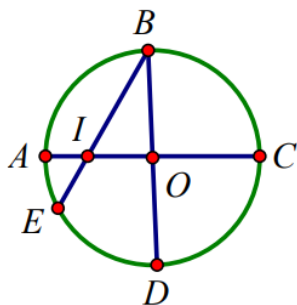
Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Hình tròn bên có số đường kính là:

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 2. Nhiệt độ cơ thể của người bình thường là:

- A. 36°C B. 37°C C. 38°C D. 25°C

Câu 3. Một hộp bánh chứa được nhiều nhất 6 cái bánh. Nếu có 87 cái bánh thì cần ít nhất bao nhiêu cái hộp như thế?

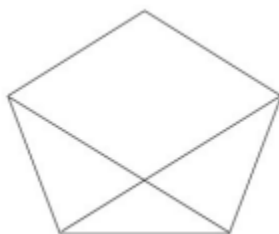
- A. 14 hộp B. 15 hộp C. 16 hộp D. 17 hộp

Câu 4. Hoa có 64 chiếc bút chì màu. Hoa chia cho Hồng $\frac{1}{4}$ số bút chì màu Hoa có. Hỏi Hồng được chia bao nhiêu cái bút chì màu?

- A. 32 cái bút B. 15 cái bút C. 16 cái bút D. 18 cái bút

Câu 5. Biết $x - 59 = 264$. Vậy x bằng:

- A. 323 B. 205 C. 215 D. 313

Câu 6. Hình vẽ bên có:

- A. 3 hình tam giác, 3 hình tứ giác
 B. 5 hình tam giác, 4 hình tứ giác
 C. 3 hình tam giác, 2 hình tứ giác
 D. 5 hình tam giác, 3 hình tứ giác

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $665 + 245$ b) $600 - 387$ c) 284×3 d) $780 : 4$

.....

.....

.....

Câu 2. Tìm x:

- a) $x : 5 = 360 : 6$ b) $896 : x = 8$

.....

.....

.....

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

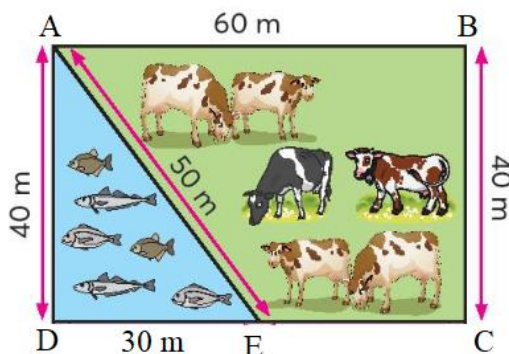
- a) $(475 - 384) \times 3$ b) $345 + 87 : 3$

.....

.....

.....

Câu 4. Bác An có một mảnh vườn như hình vẽ. Tính chu vi của ao cá và trang trại nuôi bò của bác An.



.....

.....

.....

Câu 5. Trong vườn nhà Mai có 24 cây bưởi. Số cây cam gấp 3 lần số cây bưởi. Hỏi trong vườn nhà Mai có tất cả bao nhiêu cây bưởi và cây cam?

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM

1. D	2. B	3. B	4. C	5. A	6. D
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $665 + 245$ b) $600 - 387$ c) 284×3 d) $780 : 4$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 665 \\ + 245 \\ \hline 910 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 600 \\ - 387 \\ \hline 213 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 284 \\ \times 3 \\ \hline 852 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 780 \overline{) 4} \\ \underline{4} \\ 195 \\ \underline{195} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x:

a) $x : 5 = 360 : 6$ b) $896 : x = 8$

Phương pháp giải

Bước 1: Tính giá trị của vế phải

Bước 2: Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia

Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương

Lời giải chi tiết

a) $x : 5 = 360 : 6$

$$x : 5 = 60$$

$$x = 60 \times 5$$

$$x = 300$$

b) $896 : x = 8$

$$x = 896 : 8$$

$$x = 112$$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $(475 - 384) \times 3$

b) $345 + 87 : 3$

Phương pháp giải

- Với biểu thức chỉ có dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính ở trong ngoặc trước.

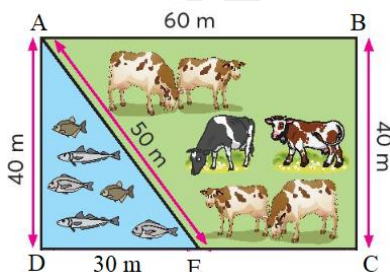
- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước. Thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} \text{a) } (475 - 384) \times 3 &= 91 \times 3 \\ &= 273 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 345 + 87 : 3 &= 345 + 29 \\ &= 374 \end{aligned}$$

Câu 4. Bác An có một mảnh vườn như hình vẽ. Tính chu vi của ao cá và trang trại nuôi bò.



Phương pháp giải

Chu vi hình tam giác bằng tổng độ dài 3 cạnh của tam giác đó.

Chu vi hình tứ giác bằng tổng độ dài 4 cạnh của tam giác đó.

Lời giải chi tiết

Chu vi của ao cá là

$$30 + 40 + 50 = 120 \text{ (m)}$$

Độ dài cạnh EC là

$$60 - 30 = 30 \text{ (m)}$$

Chu vi của trang trại nuôi bò là

$$50 + 60 + 40 + 30 = 180 \text{ (m)}$$

Đáp số: Ao cá: 120 m; Trại nuôi bò: 180 m

Câu 5. Trong vườn nhà Mai có 24 cây bưởi. Số cây cam gấp 3 lần số cây bưởi. Hỏi trong vườn nhà Mai có tất cả bao nhiêu cây bưởi và cây cam?

Phương pháp giải

- Tìm số cây cam = Số cây bưởi \times 3

- Tìm tổng số cây cam và cây bưởi

Lời giải chi tiết

Số cây cam trong vườn nhà Mai là

$$24 \times 3 = 72 \text{ (cây)}$$

Trong vườn nhà Mai có tất cả số cây bưởi và cây cam là

$$24 + 72 = 96 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 96 cây

Họ và tên:

Lớp:

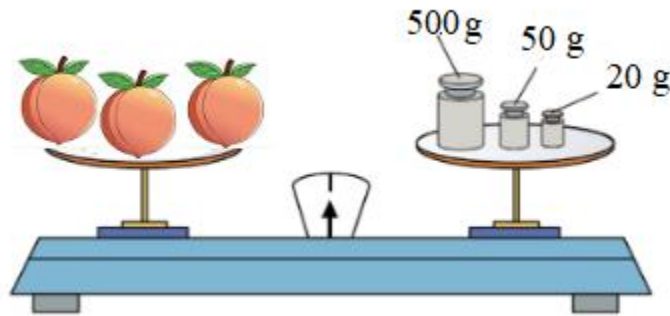
Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Cánh diều

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Cho phép chia $129 : 7$ là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2. Các quả đào có cân nặng bằng nhau. Mỗi quả đào cân nặng số gam là:

- A. 190 g B. 570 g C. 95 g D. 114 g

Câu 3. Giá trị của biểu thức $115 + 365 : 5$ là

- A. 188 B. 96 C. 94 D. 128

Câu 4. Nhà Hoa có 144 con gà. Hôm nay nhà Hoa bán đi $\frac{1}{6}$ số gà đó. Hỏi nhà Hoa hôm nay đã bán đi bao nhiêu con gà?

- A. 20 con gà B. 6 con gà C. 24 con gà D. 25 con gà

Câu 5. Bạn Nam làm một hộp quà dạng khối hộp chữ nhật và một mặt dán một tờ giấy. Hỏi bạn Nam làm 8 hộp quà như thế thì cần bao nhiêu tờ giấy màu?

- A. 8 tờ B. 64 tờ C. 40 tờ D. 48 tờ

Câu 6. Đoạn thẳng AB dài 72 mm, đoạn thẳng AB dài hơn đoạn thẳng CD là 16 mm. Hỏi cả hai đoạn thẳng dài bao nhiêu mi-li-mét?

- A. 160 mm B. 128 mm C. 104 mm D. 88 mm

PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

- a) $356 + 118$ b) $985 - 237$ c) 256×3 d) $453 : 3$

.....

.....

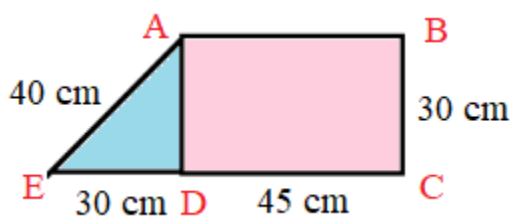
.....

Câu 2. Tìm x biết:

a) $x : 8 = 56 : 2$

b) $420 - x = 138$

Câu 3. Điền vào chỗ trống:



a) Chu vi của hình chữ nhật ABCD là cm.

b) Chu vi của hình tam giác ADE là cm.

c) Chu vi của hình tứ giác ABCE là cm.

Câu 4. Hôm qua cửa hàng bán được 192 cái bánh. Hôm nay, số bánh bán được giảm đi 3 lần so với ngày hôm qua. Hỏi cả hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu cái bánh?

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 10

I. TRẮC NGHIỆM

1. B	2. A	3. A	4. C	5. D	6. B
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

Đặt tính rồi tính:

a) $356 + 118$ b) $985 - 237$ c) 256×3 d) $453 : 3$

Phương pháp giải

Bước 1: Đặt tính theo quy tắc đã học

Bước 2:

- Cộng hoặc trừ các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau
- Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 356 \\ + 118 \\ \hline 474 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 985 \\ - 237 \\ \hline 748 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 256 \\ \times 3 \\ \hline 768 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 453 \overline{) 3} \\ \underline{3} \\ 151 \\ \underline{15} \\ 03 \\ \underline{3} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x, biết:

a) $x : 8 = 56 : 2$ b) $420 - x = 138$

Phương pháp giải

- Bước 1: Tính giá trị của vế phải
- Bước 2: Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Lời giải chi tiết

a) $x : 8 = 56 : 2$ b) $420 - x = 138$

$$x : 8 = 28$$

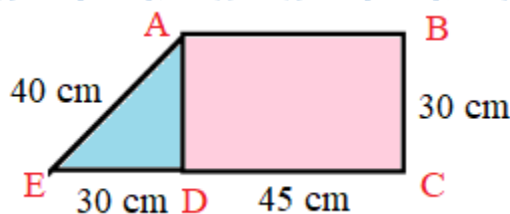
$$x = 420 - 138$$

$$x = 28 \times 8$$

$$x = 282$$

$$x = 224$$

Câu 3.



- a) Chu vi của hình chữ nhật ABCD là cm.
 b) Chu vi của hình tam giác ADE là cm.
 c) Chu vi của hình tứ giác ABCE là cm.

Phương pháp giải

Chu vi của của mỗi hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật bằng tổng độ dài các cạnh của nó.

Lời giải chi tiết

Chu vi của hình chữ nhật ABCD là

$$(45 + 30) \times 2 = 150 \text{ (cm)}$$

Chu vi của hình tam giác ADE là

$$30 + 30 + 40 = 100 \text{ (cm)}$$

Độ dài cạnh EC là

$$30 + 45 = 75 \text{ (cm)}$$

Chu vi của hình tứ giác ABCE là

$$45 + 40 + 75 + 30 = 190 \text{ (cm)}$$

Ta điền như sau:

- a) Chu vi của hình chữ nhật ABCD là **150** cm.
 b) Chu vi của hình tam giác ADE là **100** cm.
 c) Chu vi của hình tứ giác ABCE là **190** cm.

Câu 4. Hôm qua cửa hàng bán được 192 cái bánh. Hôm nay, số bánh bán được giảm đi 3 lần so với ngày hôm qua. Hỏi cả hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu cái bánh?

Phương pháp giải

- Tìm số bánh ngày hôm nay bán được = Số bánh ngày hôm qua bán được : 3
- Tìm tổng số bánh cả 2 ngày bán được

Lời giải chi tiết

Số bánh ngày hôm nay bán được là

$$192 : 3 = 64 \text{ (cái bánh)}$$

Cả hai ngày cửa hàng bán được số cái bánh là

$$192 + 64 = 256 \text{ (cái bánh)}$$

Đáp số: 256 cái bánh

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com